| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 – ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST.
Ngày 30 tháng 03 năm 2026.
V/v:*"Tranh chấp Ly hôn, nuôi con".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Vinh Tuấn.
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Việt Nga; ông Nguyễn Lam Điền.
***- Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Y Rin Niê KDăm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2026/QĐXX-ST ngày 24 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2026/QĐST-DS ngày 13/03/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy V, sinh năm 1984
Trú tại: Thôn 01, xã E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt)
- Bị đơn: Ông Phan Văn N, sinh năm 1978
Trú tại: Thôn 01, xã E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt lần thứ 2).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện ngày 31/12/2025, bản tự khai và tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy V trình bày****:*

Tôi và ông Phan Văn N đăng ký kết hôn ngày 09/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, đôi lúc cải nhau nhưng không trầm trọng lắm, cho đến thời gian khoảng năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn cải nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẽ, chồng không tu chí làm ăn để nuôi con, việc nuôi con hoàn toàn do vợ, từ đó xảy ra cải vã, bất hòa.

Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Phan Văn .

Về con chung: Tôi và ông N có 02 con chung gồm; cháu Phan Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 18/10/2013 và cháu Phan Nguyễn Đan V, sinh ngày 02/12/2022.

Sau khi ly hôn tôi đề nghị trực tiếp nuôn dưỡng cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Bị đơn ông Phan Văn N:*** Đã được Tòa án tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập đương sự, nhưng ông N vắng mặt không lý do, không có mặt tại buổi hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án tiến hành lập biên bản này làm căn cứ cho việc giải quyết vụ án.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ kiện, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Thùy V và ông Phan Văn N tại Ban tự quản và Hội phụ nữ thôn 01, xã E, tỉnh Đắk Lắk nơi bà V và ông N sinh sống. Qua xác minh tại địa phương thì được biết bà V và ông N thường xuyên mâu thuẫn cải nhau, ông N thường hay uống rượu, chửi bới và đánh đập bà V, sau đó bà V thuê nhà ra ở riêng; Ban tự quản và Hội phụ nữ thôn có nhắc nhỡ nhưng không thành. Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phân tích các quy định của pháp luật nhưng bà V vẫn nhất quyết xin được ly hôn với ông Phan Văn N, còn ông N thì không đến Tòa án để làm việc, nên không tiến hành hoà giải được. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự, đưa vụ án ra xét xử.

Tại phần tranh luận nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Văn N. Về con chung, bà và ông N có 02 con chung gồm, cháu Phan Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 18/10/2013 và cháu Phan Nguyễn Đan V, sinh ngày 02/12/2022. Sau khi ly hôn tôi đề nghị trực tiếp nuôn dưỡng cả 02 con chung đến tuổi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Sau khi thụ lý vụ án hôn nhân gia đình. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng, giao thông báo thụ lý vụ án, giao thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thu thập chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án. Ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ quyết định xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định về trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp

hành đúng các quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân & Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy V. Xử cho bà Nguyễn Thị Thùy V được ly hôn với ông Phan Văn N.

Về nuôi con chung: Xét thấy cháu Phan Nguyễn Tiến Đ có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Phan Nguyễn Đan V còn nhỏ và đang sống với mẹ nên cần giao cháu Đ và cháu V cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà V không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xem xét; bà Nguyễn Thị Thùy V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**C**ăn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng công khai trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thùy V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phan Văn N thì đây là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị đơn ông Phan Văn N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tòa án nhận thấy bà Nguyễn Thị Thùy V và ông Phan Văn N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu, đôi lúc cải nhau nhưng không trầm trọng lắm, cho đến thời gian khoảng năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn cải nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẽ, chồng không tu chí làm ăn để nuôi con, việc nuôi con hoàn toàn do vợ, từ đó xảy ra cải vã, bất hòa, ông N nhiều lần uống rượu về kiếm chuyện chửi bới, đánh đập bà V. Qua xác minh tại địa phương thì được biết bà V và ông N thường xuyên mâu thuẫn cải nhau, ông N thường hay uống rượu, chửi bới và đánh đập bà V, sau đó bà V thuê nhà ra ở riêng; Ban tự quản và Hội phụ nữ thôn có nhắc nhỡ nhưng không thành. Quá trình giải quyết tại Tòa án bà V nhất quyết đề nghị ly hôn với ông N. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân & Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V, xử cho bà Nguyễn Thị Thùy V được ly hôn với ông Phan Văn N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Xét thấy trong thời gian chung sống bà V và ông N có 02 con chung gồm, cháu Phan Nguyễn Tiến Đ sinh ngày 18/10/2013 và cháu Phan Nguyễn Đan V, sinh ngày 02/12/2022.

Cháu Phan Nguyễn Tiến Đ có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Phan Nguyễn Đan V còn nhỏ và đang sống với mẹ nên cần giao cháu Phan Nguyễn Tiến Đ và cháu Phan Nguyễn Đan V cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy bà Nguyễn Thị Thùy V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân & Gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy V.

- *Về quan hệ hôn nhân***:** Bà Nguyễn Thị Thùy V được ly hôn với ông Phan Văn N.

- *Về nuôi con chung*: Giao cháu Phan Nguyễn Tiến Đ, sinh ngày 18/10/2013 và cháu Phan Nguyễn Đan V, sinh ngày 02/12/2022 cho bà Nguyễn Thị Thùy V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà Nguyễn Thị Thùy V không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà Nguyễn Thị Thùy V không yêu cầu nên không đề cập.

- *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Thùy V phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0000212 ngày 08/01/2026.

- Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thùy V có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Phan Văn N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 2 - Đắk Lắk;
- THADS khu vực 2 - Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Vinh Tuấn**